

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-3-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 897/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1972

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế P, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: Tổ 18, ấp B, xã TĐ, huyện G, tỉnh T.

Chị C và anh P đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2018 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế P chung sống với nhau từ năm 1992. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức năm 2007.

Anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh P thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con mà còn đánh chị nhiều lần, một mình chị phải lo kiếm tiền và chăm sóc cho gia đình. Anh P còn cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị và con phải cố gắng sống chịu

đựng trong nhiều năm. Năm 2015, chị đi hợp tác lao động tại Đài Loan nhưng anh P vẫn không thay đổi. Chị đã nhiều lần đề cập đến việc ly hôn nhưng anh P không đồng ý mà còn hăm dọa giết chị. Anh chị đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh P.

Về nuôi con: Anh chị chung sống có 01 người con tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1992 và hiện đã kết hôn nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-12-2018 và biên bản lấy lời khai ngày 14-02-2019, bị đơn anh Nguyễn Thế P trình bày:

Về hôn nhân thống nhất như lời trình bày của chị C. Anh chị chung sống không phát sinh mâu thuẫn, anh thừa nhận có uống rượu, có đánh chị C vài lần nhưng không dọa giết. Năm 2016, chị C đi hợp tác lao động ở Đài Loan và anh chị vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Ngày 14-12-2018, chị C về Việt Nam anh chị vẫn chung sống vui vẻ hòa thuận với nhau, ngày 19-12-2018 chị C tiếp tục sang Đài Loan để làm việc nên anh chị ly thân cho đến nay. Tại bản tự khai anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C và anh xin được đoàn tụ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-02-2019, anh thay đổi ý kiến, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về nuôi con: Anh cũng thống nhất với ý kiến của chị C. Con chung anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà tường được xây dựng trên đất của mẹ vợ. Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và không có ai nợ lại anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh P; về con chung: anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1992 đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được, anh chị không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Nguyễn Thế P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thế P là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị C nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu, không phụ giúp chị lo kinh tế gia đình và không quan tâm, chăm sóc cho gia đình vợ con, anh P còn nhiều lần đánh chị và hăm dọa giết chị nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Hiện chị C đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan – Trung Quốc. Còn anh P thì cho rằng anh chị không phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C chứng tỏ đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung là Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1992. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được và anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị C khai không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Còn anh P thì cho rằng anh chị có tài sản chung là 01 căn nhà tường tọa lạc tại ấp B, xã TĐ, huyện G, tỉnh T. Tuy nhiên, anh P cũng không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Thế P. Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Thế P.

2. Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung là Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1992. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được. Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết..

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0008522 ngày 18-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Cu đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG